

TÌM HIỂU CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ NGHIỆP ĐOÀN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI HOA Ở VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

TRẦN KHÁNH

Một trong những nét đặc trưng nổi bật của môi trường di trú và định cư của người Hoa là sự xuất hiện và thịnh hành các tổ chức xã hội và nghiệp đoàn truyền thống. Thông thường, khi đến Việt Nam sinh sống, người Trung Hoa di trú định cư thành từng nhóm theo quan hệ họ hàng, đồng hương và đồng nghiệp. Từ đó sẽ hình thành nên những làng hay phố Trung Hoa thu nhỏ ở Việt Nam, như “Phố Khách” ở Hội An thế kỷ XVII-XVIII, “Làng Minh Hương” ở Phiên Trấn (Gia Định) cuối thế kỷ XVII-đầu thế kỷ XVIII, “Làng Thanh Hà” ở Thừa Thiên - Huế ở thế kỷ XVIII ... Từ những quần thể dân cư đó dần dần hình thành nên những tổ chức xã hội và sau đó là nghề nghiệp với chức năng chính là điều hòa các mối quan hệ xã hội, kinh tế, văn hóa bên trong cộng đồng của họ. Đó là Hội đồng hương, đồng ngữ hay thường gọi là Bang, Hội những người cùng họ hàng thân tộc (đồng tộc), các nhóm băng đảng hay là Hội kín, Hội nghề nghiệp hay là các nghiệp đoàn như Phòng thương mại và các tổ chức chuyên ngành, hay tổ chức quyền lợi khác...

Hội đồng hương, đồng phương ngữ (hay gọi là Bang) là một trong những dạng điển hình của tổ chức xã hội, mang tính chất quần chúng và phổ thông của người Hoa. Đây là tổ chức liên kết của những người có cùng quê cha, đất tổ và cùng chia sẻ một phương ngữ mẹ đẻ. Thông thường các Bang được hình thành kiểu này vừa kết hợp hai yếu tố là vừa đồng hương vừa đồng ngữ như Bang Phúc Kiến, Bang Triều Châu, Bang Hạ Phương, Bang Hải Nam..., nhưng cũng có

Bang, Hội chỉ liên kết những người cùng quê, có quan hệ họ hàng anh em như Bang Nghệ An của người Triều Châu, Bang Tuệ Thành của người Quảng Đông, Hội Sơn Trang và Hội Lý Châu của người Phúc Kiến... Trong nhiều trường hợp Bang, Hội của người Hoa được bắt đầu hình thành từ việc lập nên các chùa chiền. Ví dụ như ở thế kỷ XVII, người Phúc Kiến di trú ở phần đất của chúa Nguyễn đã lập nên các hội như Hội Sơn Trang, hội Lý Châu, Hội Đồng Hương. Lúc đầu những tổ chức này được lập nên nhằm mục đích tín ngưỡng. Để tập hợp những anh em gần gũi, họ lập đền chùa, đình miếu và từ đó các hội viên ngày càng đông lên và dần dần trở thành những hội lớn, tiền thân của Bang Phúc Kiến sau này. Một ví dụ khác là chùa Bà ở Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh ngày nay được những người gốc quê ở Tuệ Thành lập nên và xây dựng vào thế kỷ XVIII và từ đó lập nên Bang Tuệ Thành và chùa trở thành Hội quán của họ.

Thông thường, các Bang ra đời lúc đầu không bị ràng buộc bởi luật pháp của chính quyền bản địa cũng như Trung Quốc. Sự xuất hiện và lớn mạnh của Bang chủ yếu gắn liền với sự gia tăng dân nhập cư mới và tiềm lực nội tại của họ. Theo một số tài liệu ghi chép thì Bang của người Hoa ở Việt Nam được thành lập vào năm 1787 ở vùng đất phương Nam dưới sự cai trị của chúa Nguyễn. Lúc đó mới chỉ có bốn Bang ra đời. Đến năm 1814 dưới thời vua Gia Long (1802-1819), tổ chức này chính thức được hợp thức hóa về mặt pháp lý và số lượng Bang tăng lên thành bảy Bang: đó là Bang

Quảng Đông, Bang Hạ Môn, Bang Triều Châu, Bang Hải Nam, Bang Quỳnh Châu, Bang Phúc Châu và Bang Hạ Phương. Đến năm 1885, khi thực dân Pháp bắt đầu qui chế hoá về Bang và quốc tịch của người Hoa thì số Bang được cải tổ thành 5 Bang (Bang Phúc Châu nhập vào Bang Hạ Môn và được gọi là Bang Phúc Kiến; Bang Quỳnh Châu nhập vào Bang Hải Nam và giữ nguyên tên Hải Nam còn ba Bang là Quảng Đông, Triều Châu và Hạ Phương hay Hẹ giữ nguyên). Theo luật lệ của triều Nguyễn, kiều dân Trung Hoa dưới 60 tuổi có vật lực được quyền gia nhập Bang. Bang thành lập phải theo nguyên tắc đồng hương, đồng ngữ. Mỗi Bang được phép bầu ra Bang Trưởng để trông coi các việc trong Bang và thay mặt Bang tiếp xúc với chính quyền bản địa. Thông thường Bang Trưởng được bầu là những người có uy tín và giàu có trong Bang. Nhiệm kỳ của Bang Trưởng là 4 năm. Những Bang lớn thì thường có thêm một hoặc hai Bang Phó, đại diện cho từng nhóm phương ngữ nhỏ. Trước 1825 chức Bang Trưởng sau khi được Bang bầu lên phải được Nhà vua phê chuẩn mới có hiệu lực cầm quyền, nhưng sau đó chỉ cần trình lên chính quyền địa phương là đủ ⁽¹⁾.

Nếu như dưới thời cai trị của triều Nguyễn, Bang của người Hoa chủ yếu đảm nhiệm chức năng xã hội, như dàn hoà các mâu thuẫn tranh chấp, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tương thân, tương ái, thì đến thời thuộc Pháp tổ chức này được giao thêm một số nhiệm vụ mới như thu thuế kinh doanh, quản lý hộ khẩu và di trú. Sự mở rộng chức năng của Bang đã làm cho tổ chức Bang giống như một đơn vị hành chính tự quản. Với điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý và môi trường kinh doanh mà người Pháp đã tạo ra, từ đầu thế kỷ XX các Bang của người Hoa phát triển rất nhanh về số lượng thành viên và đa

dạng hoá các hoạt động đầu tư ⁽²⁾. Từ thời gian này Bang của người Hoa trở thành trung tâm điều hoà các mâu thuẫn xã hội, dàn xếp và phân chia các lĩnh vực kinh doanh giữa các thành viên trong Bang, đồng thời Bang cũng thay mặt các thành viên mình trong quan hệ với các Bang khác và với chính quyền địa phương...

Do những chi phối của môi trường di trú, các Bang của người Hoa không những khác nhau về tiếng nói, số lượng thành viên, mà còn khác nhau về cơ cấu nghề nghiệp và một phần về lối sống văn hoá và địa vị xã hội. Bang đông người nhất ở Việt Nam là Bang Quảng Đông. Tính đến giữa thế kỷ XX (năm 1950) Bang có số thành viên là 337.500 người, chiếm 46,6%. Đại bộ phận người của Bang này di cư sang Việt Nam từ vùng duyên hải phía Nam tỉnh Quảng Đông. Họ là những người cởi mở, hăng hái nhưng nóng tính, thiếu kiên nhẫn, không được cần cù như dân nhóm người Triều Châu và người Hạ Phương. Phần lớn người Quảng Đông tập trung sinh sống ở khu vực Chợ Lớn. Họ có sở trường làm các đồ sắt gia dụng, đồ trang sức, sửa chữa cơ khí, thợ mộc, làm giấy dép, may mặc và buôn bán nhỏ đa mặt hàng (“chạp phô” hay “tạp hoá”). Nghề “chạp phô” ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn trước 1975 hầu như độc quyền trong tay người Quảng Đông. Họ cũng gần như chiếm ưu thế bán trái cây và các loại nước giải khát ở những nơi có đông người Hoa sinh sống. Trong lĩnh vực xay xát lúa gạo người Quảng Đông cũng khá nổi tiếng. Hầu hết các kỹ sư cơ khí lành nghề sửa chữa, lắp ráp và điều hành các nhà máy xay xát ở Sài Gòn - Chợ Lớn trước đây là người Quảng Đông. Trong lĩnh vực nông nghiệp thì người Quảng Đông cũng giỏi về chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi gà vịt, chim cút...

Người Triều Châu có dân số đứng thứ hai sau người Quảng Đông (225.000 người và chiếm 31%). Quê cha đất tổ của họ thuộc vùng duyên hải Đông Bắc tỉnh Quảng Đông và vùng Đông Nam tỉnh Phúc Kiến ngày nay. Ngôn ngữ của họ gần gũi với người Hạ Môn của tỉnh Phúc Kiến. Người Triều Châu có sở trường kinh doanh rau quả, chè trà, chế biến hải sản, buôn bán thuốc bắc, làm đường mía và buôn bán lúa gạo. Một bộ phận rất lớn người Triều Châu làm công nhân khuân vác ở các bến cảng, công nhân ở các nhà máy xay xát, chế biến thực phẩm và công nghiệp dệt. Giống như người Phúc Kiến, người Triều Châu có quan hệ buôn bán với những người đồng hương của họ ở khu vực rất mạnh. Họ cũng có đức tính khiêm tốn, cần cù, nhường nhịn như người Phúc Kiến. Khác với các Bang khác, người của Bang Triều Châu sinh sống rất nhiều ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Rạch Giá và Bạc Liêu.

Bang Phúc Kiến tuy số lượng thành viên không lớn, chỉ chiếm 8% tổng dân cư người Hoa Việt Nam (60.000 người) nhưng có địa vị kinh tế rất cao. Họ là những người có lòng nhẫn nại, tính quyết đoán, và đoàn kết rất cao. Bang Phúc Kiến nổi tiếng là một tập thể sống đoàn kết, hòa thuận và có kỷ luật nhất trong giới người Hoa Việt Nam. Họ hầu như nắm độc quyền về các hoạt động mua bán vật liệu kim loại, máy móc thiết bị, sắt vụn, có địa vị trội hơn trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Người Phúc Kiến rất khéo trong quan hệ với các Bang khác và với chính quyền bản địa.

Người Bang Hạ Phương (Hạ) ở Việt Nam chiếm khoảng 10% (75.000 người) dân số người Hoa. Họ là những người có gốc gác từ miền Bắc Trung Quốc di cư xuống phía

nam sau đó định cư tại tỉnh Quảng Đông rồi di cư tiếp sang các nước Đông Nam Á. Do phải vật lộn để tồn tại, người Hạ Phương có tinh thần vượt khó và lòng độ lượng rất cao. Tinh thần nhẫn nại của họ cao hơn nhiều nhóm khác. Giống như người Triều Châu, người Hạ Phương giỏi nghề bốc thuốc Bắc và ở Việt Nam trước đây họ chiếm vị trí số một trong số người Hoa về nghề này. Khác với người Triều Châu, người Hạ Phương chủ yếu sinh sống ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngoài nghề bốc thuốc ra, họ còn có địa vị cao trong kinh doanh bánh mì, thuốc da, dệt vải.

Còn người Bang Hải Nam chỉ chiếm có 3% (30.000 người), có nguồn gốc từ đảo Hải Nam và bán đảo Lôi Châu. Do dân số ít ỏi, vật lực thấp nên họ tự nguyện chuyên môn hóa trong ngành ăn uống, làm các thức ăn kiểu phương Tây để cạnh tranh với các bang lớn khác, đặc biệt là Bang Quảng Đông về các món ăn Trung Hoa. Họ có sở trường phục vụ ăn uống, giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí và cắt tóc ⁽³⁾.

Ranh giới về nghề nghiệp, lối sống, địa vị xã hội của các Bang dưới sự tác động của cơ chế cạnh tranh thị trường dần dần bị thu hẹp lại. Thay vào đó, những hiệp hội nghề nghiệp chuyên ngành trong cộng đồng người Hoa xuất hiện và quá trình liên kết hóa tộc người giữa các Bang trở nên nhanh chóng hơn. Để thúc đẩy quá trình này, các Bang của người Hoa Nam Bộ vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX lập nên “Hiệp Hội Bốn Bang” (gồm Bang Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến và Hạ Phương). Đến năm 1927 Hiệp hội này đổi thành “Hội Hoa Kiều Việt Nam” ⁽⁴⁾. Từ thời điểm đó, các Bang của người Hoa nói chung, Hội Hoa kiều Việt Nam nói riêng bắt đầu được sự quan tâm lớn của chính quyền Quốc Dân Đảng của Trung

Quốc. Họ chỉ trích chính quyền thuộc địa Pháp sử dụng Bang người Hoa như một đơn vị hành chính, một cộng đồng tự trị nhằm chia rẽ cộng đồng người Hoa hải ngoại. Dưới áp lực của Quốc Dân Đảng, chính quyền thuộc địa Pháp vào năm 1947 tuyên bố giải tán tổ chức Bang. Hiệp ước Trùng Khánh ký bổ sung vào năm 1948 giữa Pháp và Trung Hoa Dân Quốc đã khẳng định về sự bãi bỏ quy chế tự trị và chế độ Bang trưởng của 5 bang người Hoa. Thay vào đó, một tổ chức mới đại diện cho tất cả các thành viên của cộng đồng người Hoa được thành lập, đó là “Hội Liên hiệp ái quốc Hoa Kiều” (gọi tắt là “Ái Liên”). “Ái Liên” - tổ chức quần chúng - xã hội bán chính trị này ra đời được sự hưởng ứng nhiệt liệt của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc; nó dần dần trở thành Hội của nhóm tài phiệt người Hoa tại Sài Gòn - Chợ Lớn và ở các thành phố khác của Việt Nam. Để hạn chế sự lộng quyền của nhóm, chính phủ Sài Gòn đã ra lệnh cấm hoạt động của tổ chức này vào năm 1956. Để tiếp tục lãnh đạo, duy trì ảnh hưởng của mình trong giới người Hoa ở miền Nam Việt Nam, chính phủ Quốc Dân Đảng tại Đài Loan khuyến khích các Bang của người Hoa hoạt động trở lại. Quốc Dân Đảng đã sử dụng Bang như một tổ chức làm trung gian, môi giới, phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đài Loan với cộng đồng người Hoa Việt Nam. Bù lại, tổ chức Bang và các thành viên cộng đồng người Hoa được chính phủ Đài Bắc công khai lên tiếng bảo vệ, đồng thời giúp đỡ về tài chính, kỹ thuật, nhân lực để phát triển giáo dục, y tế và hoạt động kinh doanh. Để hạn chế thế lực và tăng cường kiểm soát người Hoa, vào năm 1960 chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra lệnh cấm các Bang hội người Hoa hoạt động. Nhưng trên thực tế, Bang của người Hoa vẫn tồn tại và hoạt động rất sôi nổi cho đến tận khi miền

Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng (1975) ⁽⁵⁾.

Trong mỗi Bang của người Hoa thường có nhiều *Dòng họ, Tổ chức thân tộc* được liên kết lại với nhau chủ yếu trên nguyên tắc cùng huyết thống. Trong một số trường hợp tổ chức họ hàng kết nạp cả những người không cùng huyết thống, nhưng có quan hệ thân tình, tự nguyện chấp nhận các quan hệ của dòng họ đó. Dòng họ hay Hội thân tộc là một tổ chức xã hội truyền thống, nó xuất hiện từ xa xưa bên Trung Quốc. Tổ chức này trong phạm vi hẹp gọi là Gia tộc. Tiền thân của nó là Hội của những người ruột thịt, cùng huyết thống và cùng nơi chôn rau cắt rốn. Quá trình “khuyếch tán” làm cho số lượng thành viên của gia tộc hay dòng họ tăng lên và dần dần thành một họ lớn có nhiều họ nhỏ theo hệ thống mở, phân nhánh và đẳng cấp. Nếu trước kia gia tộc dựa trên cơ sở huyết thống, trong quá trình mở rộng ranh giới xã hội, tổ chức này phát triển thành Hội của những người cùng họ hàng, thân tộc (gồm cả những người có quan hệ anh em gân (cùng họ) và những người có quan hệ bà con xa bên ngoài (khác họ) ⁽⁶⁾). Sự đổi mới này cho phép Hội những người cùng họ hay gia tộc tăng nhanh về số lượng thành viên và địa vị xã hội của mình. Nếu so với Bang, thì tổ chức dòng họ mang tính biệt lập, khép kín và đẳng cấp nhiều hơn và nó phân chia rõ ràng về hệ thống các chi nhánh của mỗi thân tộc. Mỗi chi nhánh, dòng họ có đền thờ riêng, có cửa cải riêng, có nghi lễ thờ cúng riêng, tuân theo một cách nghiêm ngặt tính kế thừa và quy định được ghi trong gia phả. Cúng bái tổ tiên trong họ là góp phần quan trọng bảo lưu phong tục, tập quán và lối sống truyền thống của người Trung Hoa, làm yếu đi tình cảm, ý niệm về giai cấp - xã hội. Hoa kiều trước đây, người Hoa ngày nay sử dụng nhà thờ họ không chỉ để làm nghi lễ

thờ cúng tổ tiên, mà còn là địa điểm hội họp, gặp gỡ bàn công việc làm ăn. Trước đây việc đăng ký kết hôn cho con cháu thường được tiến hành ở nhà thờ. Ở đó, vợ chồng mới cưới được những người đứng đầu họ chúc tụng, trao tặng vật kỷ niệm hoặc tiền bạc. Đăng ký kết hôn và làm nghi lễ ở nhà thờ họ không phải là việc làm hình thức, mà mục đích kiểm tra hành vi, lòng trung thành của thế hệ mới, giáo dục thành viên tiếp nhận truyền thống của tổ tiên.

Mối quan hệ huyết thống của người Hoa nói chung và những người thân tộc nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa Trung Hoa trong giới người Hoa. Hoa kiều trước đây, người Hoa ngày nay không chỉ có giao lưu với tổ quốc xa xưa, quê cha đất tổ của mình bằng quan hệ công việc (gửi tiền về cho người thân, đầu tư vốn vào nền kinh tế Trung Quốc, buôn bán trao đổi hàng hóa), mà còn có mối quan hệ văn hóa, tộc người. Trước đây, Hoa kiều thường có nguyện vọng khi chết thì chuyển xác của họ về Trung Quốc và được chôn ở nghĩa địa gia tộc hay dòng họ và ngay ở quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của mình. Họ cố gắng gửi về Trung Quốc những đứa con trai sinh ra từ những cuộc hôn nhân hỗn hợp với người bản địa để những đứa con đó trực tiếp lĩnh hội nền văn hóa Trung Hoa ngay ở quê cha đất tổ. Dạy bảo những đứa con này thường là những người có quan hệ họ hàng thân tộc với Hoa kiều. Đối với những đứa con gái sinh ra từ hôn nhân hỗn chủng thì họ thường cố gắng gả con mình cho những người Trung Hoa mới di cư sang. Như vậy, thế hệ mới được sinh ra có 3/4 huyết thống Trung Hoa, và con cháu của thế hệ này hầu như là 100% là người Hoa thực thụ. Rõ ràng yếu tố gia đình - họ hàng không những góp phần bảo lưu

những giá trị văn hóa truyền thống, mà còn là nhân tố duy trì huyết thống của họ nơi đất khách quê người.

Từ xa xưa, tổ chức dòng họ của người Trung Hoa đã trở thành phương tiện bảo lưu những giá trị văn hóa truyền thống, là cơ sở khởi xướng, bảo trợ các hoạt động thương mại và giao tiếp với bên ngoài. Sở hữu của cải vật chất của dòng họ theo truyền thống không những dùng để chi phí cần thiết trong nghi lễ, thờ cúng tổ tiên, mà còn sử dụng để phát triển giáo dục, hỗ trợ các thành viên của mình trong các cuộc thi cử, tranh giành địa vị xã hội... Sự kết hợp giữa chức năng văn hóa - xã hội và chính trị - xã hội đã làm cho dòng họ, gia tộc trở nên hấp dẫn hơn đối với các thành viên trong họ, và điều này cũng góp phần xoá đi ranh giới giai cấp - xã hội, tạo ra ảo tưởng “tất cả mọi người đều là anh em”.

Cùng với sự phát triển của các mối quan hệ kinh tế và nghề nghiệp của người Hoa, tổ chức Dòng họ, Bang đồng hương nhiều khi cũng hòa trộn vào nhau. Cũng có khá nhiều trường hợp hai tổ chức này gộp lại là một. Thông thường những tổ chức liên kết với nhau vừa dựa trên nguyên tắc huyết thống, thân tộc, vừa là đồng hương thì có một ban quản lý do các thành viên của tổ chức đó bầu ra và được gọi là “Lý sự Hội”. Lý sự Hội có thể từ ba đến năm người gồm lý sự trưởng và các lý sự phó⁽⁷⁾. Việt Nam từ thế kỷ XVII đã xuất hiện kiểu liên kết này như Hội Sơn Trang, Hội Lý Châu, Hội Đồng Hương của người Phúc Kiến...

Từ thời Pháp thuộc, đặc biệt là dưới chế độ Sài Gòn, các nhóm gia tộc, hội những người cùng họ của người Hoa ở Việt Nam phát triển rất mạnh. Các dòng họ nổi tiếng có thể lực kinh tế lớn như họ Trần, Quách, Mạch, Lâm, Lưu, Vương và Trình trong giới

người Hoa ai ai cũng biết. Từ những năm 50 - 60 của thế kỷ XX, khi chế độ Sài Gòn của chính quyền Ngô Đình Diệm cấm đoán các Bang, Hội đồng hương của người Hoa hoạt động thì các tổ chức thân tộc của họ trở nên hoạt động mạnh mẽ hơn; và trên thực tế lúc đó, tổ chức Bang đồng hương và thân tộc hoạt động đan xen vào nhau.

Nói tóm lại, cùng với Bang, tổ chức của những người cùng họ, thân tộc được người Hoa lập nên không những là một trong những cách thức lưu giữ, chuyển tải những giá trị văn hóa truyền thống Trung Hoa từ thế hệ này sang thế hệ khác, mà còn là những phương tiện để bảo vệ và phát triển của cải vật chất cũng như tính mạng của họ nơi đất khách quê người.

Một trong những dạng đặc biệt của tổ chức xã hội truyền thống của người Hoa là *Hội kín*. Tổ chức này được lập nên từ thế kỷ XIII ở bên Trung Quốc nhằm mục đích chống lại sự cai trị của đế quốc Mông Nguyên (1279-1368). Từ nửa sau thế kỷ XVII trở đi, khắp mọi nơi trên đất nước Trung Hoa, đặc biệt là ở vùng đất Hoa Nam xuất hiện rất nhiều dạng kiểu tổ chức này nhằm chống lại triều Mãn Thanh (1644-1912). Ở miền Bắc Trung Quốc người ta thường gọi Hội kín là “Chiao” (có nghĩa là một giáo phái có chung tôn chỉ mục đích); còn ở miền Hoa Nam gọi là “Hui” (có nghĩa là Hội, nhóm hội đoàn). Một trong những Hội nổi tiếng, hoạt động mạnh mẽ nhất ở miền Nam Trung Quốc và trong giới Hoa kiều và người Hoa Đông Nam Á là “San - Bo Hui” hay “San - Tien Hui” (“Hội Tam Hoàng”), “Tien - Ti Hui” (“Thiên Địa Hội”) hay “Hung - meng” (“Hong Môn, Hồng Gia, Hồng Bang huynh đệ Hội”)... Theo truyền thuyết, Hội Tam Hoàng được thành lập ở một nhà chùa Phật giáo ở gần Phúc Châu

thuộc tỉnh Phúc Kiến vào năm 1674. Ở đó hội viên làm nghi lễ “cắt máu ăn thề” trung thành sống chết vì Hội. Khẩu hiệu hành động lúc đó của họ là “Bà Thanh, Phục Minh”⁽⁸⁾. Từ giữa thế kỷ XIX đến những năm đầu thế kỷ XX, các Hội kín này hoạt động rất mạnh ở cả vùng thôn quê lẫn thành thị ở vùng duyên hải Đông Nam Trung Quốc. Phần lớn thành viên của nó là tầng lớp dân nghèo nông thôn, những phần tử phi giai cấp (những kẻ phát vãng, lưu manh hóa), mặc dầu trong số họ có cả đại biểu tầng lớp phú nông, nhà buôn nhỏ, quan lại cấp thấp. Ngoài ra còn có cả đại biểu của giới trí thức phong kiến, những người bị gạt ra khỏi các cuộc thi cử chức quyền. Mặc dầu các thành viên của Hội kín luôn thề rằng trung thành với giáo huấn của Khổng giáo (là người quân tử luôn rộng lượng, vị tha, không nói dối, lừa đảo và làm điều ác), nhưng trên thực tế, hoạt động của các tổ chức này mang tính chất của các nhóm băng đảng ăn cướp⁽⁹⁾.

Để thoát khỏi sự bắt bớ, đàn áp của chính quyền Mãn Thanh, có rất nhiều thành viên của các Hội kín phải chạy ra nước ngoài, trong đó có Việt Nam. Đến đất khách quê người, họ xâm nhập vào giới người Hoa và lôi kéo thêm nhiều người tham gia và lập nên nhiều chi nhánh mới. Nhưng trong môi trường di trú ở hải ngoại, cơ cấu giai cấp - xã hội và hoạt động của các Hội kín có nhiều thay đổi. Chỗ dựa xã hội của các Hội kín người Hoa là tầng lớp dân nghèo thành thị, chứ không phải dân nghèo ở nông thôn như ở bên Trung Quốc. Hoạt động của các tổ chức này không những chỉ mang tính chất chống nhà Thanh, mà trong nhiều trường hợp nó trở thành công cụ bảo vệ một nhóm người Hoa (đặc biệt là giới nhà buôn giàu có) trước sự ức hiếp từ bên ngoài. Biện pháp chính để bảo vệ người anh em mình trong trường hợp bị

đe dọa là ám sát. Nguồn tài chính cho các hoạt động của Hội kín được trích từ các khoản lợi nhuận thu được thông qua các hoạt động thương mại của giới thượng lưu người Hoa⁽¹⁰⁾. Khi bàn về những nguyên nhân đưa đến xuất hiện và phát triển của các Hội kín của người Trung Hoa ở nước ngoài, nhiều học giả cho rằng yếu tố di cư riêng lẻ, độc thân, không có anh em họ hàng ở hải ngoại và phần lớn người di cư là nam giới làm cho nhiều người Trung Hoa di trú gia nhập các Hội kín để tổ chức này che chở, bảo vệ họ nơi đất khách quê người⁽¹¹⁾.

Dấu vết Hội kín của người Hoa ở Việt Nam được khám phá từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, khi có hàng nghìn người Trung Hoa di cư sang nước ta. Sử liệu triều Nguyễn có ghi chép rằng, vào năm 1749, thương nhân người Hoa Phúc Kiến tên là Lê Văn Quân bí mật chở vũ khí đến Đông Phố. Ông ta đã tập hợp một đội quân đồng hương của mình đông tới 300 người nhằm chống lại chính quyền địa phương. Hoạt động mang tính chất lật đổ và phiến loạn này bị bại lộ và chính quyền Việt Nam đã bắt giam tới 57 người, trong đó có cả thủ lĩnh Lê Văn Quân⁽¹²⁾.

Một trong những Hội kín của người Hoa hoạt động mạnh nhất ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc là “Thiên Địa Hội”. Các chi nhánh của nó có mặt chủ yếu ở các thị xã, thị trấn dọc biên giới Việt - Trung, ở các thành phố lớn như Sài Gòn - Chợ Lớn, Hải Phòng. Dưới tác động của thực tiễn thuộc địa và sự lớn mạnh nhanh chóng của tầng lớp nhà buôn người Hoa, trong nội bộ các Hội kín của người Hoa cũng bị phân hóa ra nhiều xu hướng chính trị - xã hội khác nhau. Một bộ phận gia nhập tàn quân của Thái Bình thiên quốc có mặt ở Việt Nam lúc đó và có xu hướng chống thực dân, phong kiến. Hành

động biểu hiện của xu hướng này là cuộc khởi nghĩa phá thành Móng Cái vào năm 1886 do chi nhánh “Thiên Địa Hội” tại Quảng Ninh lãnh đạo; phong trào phá khám lớn Sài Gòn để cứu thủ lĩnh Phan Xích Long vào năm 1916⁽¹³⁾. Nhưng nhìn chung, tổ chức “Thiên Địa Hội” và các Hội kín khác của người Hoa dần dần mất đi màu sắc chính trị ban đầu của mình (chống phong kiến, đặc biệt là sau cách mạng Tân Hợi 1911 khi nền quân chủ phong kiến Mãn Thanh bị lật đổ) và dần dần trở thành công cụ bảo vệ quyền lợi cho giới giàu có người Hoa. Từ thời điểm này, tầng lớp nhà buôn, thương gia người Hoa bắt đầu chi phối các Hội kín; và thành viên của nó bao gồm nhiều giai tầng xã hội khác nhau, từ kẻ du đãng đến nhà tu sĩ và giới giàu có⁽¹⁴⁾.

Cần lưu ý rằng, từ đầu thế kỷ XX, khi phong trào chống đế quốc, phong kiến tăng lên thì có nhiều người Việt tham gia vào các Hội kín của người Hoa. Ở các địa phương như Sài Gòn - Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hòa, Bến Tre và Châu Đốc, nơi có phong trào chống Pháp diễn ra mạnh mẽ, các thành viên của “Thiên Địa Hội” có lúc tăng lên đến hàng nghìn người. Cũng như thời điểm này, chính quyền thuộc địa Pháp tăng cường đàn áp các băng đảng, trong đó có các Hội kín⁽¹⁵⁾. Nhiều chi hội của Thiên Địa Hội bị giải tán. Dưới chế độ Sài Gòn (1955-1975), các tổ chức xã hội truyền thống của người Hoa, trong đó có Hội kín bị cấm hoạt động. Nhưng trên thực tế, Hội kín vẫn tồn tại, song biến dạng và hoạt động trá hình bằng các tổ chức tương thân, tương ái, tổ chức chính trị - xã hội khác nhau. Không ít thành viên của Thiên Địa Hội được tuyển mộ làm bảo vệ, thu thập thông tin cho các hãng buôn lớn của người Hoa. Một bộ phận khác bị các thế lực đế quốc, thực dân lôi kéo, chống lại chính

quyền Việt Nam. Không ít thành viên của tổ chức này trở về với lối sống du đãng, lập nên những băng đảng mới, thực hiện các công việc mờ ám ⁽¹⁶⁾.

Nhìn chung, hoạt động của các Hội kín của người Hoa như trường hợp “Thiên Địa Hội” ở Việt Nam yếu ớt hơn so với các Hội kín của họ ở các nước Đông Nam Á khác. Nguyên nhân chính là hội này bị kiểm duyệt gắt gao hay bị các nhà chức trách cấm đoán hoạt động. Thêm vào đó dưới sự tác động của thực tiễn thuộc địa ở Việt Nam và cách mạng ở Trung Quốc, tổ chức này bị phân hóa sâu sắc, dần dần mất đi tôn chỉ, mục đích ban đầu, trở thành một bộ phận, công cụ bảo vệ quyền lợi cho giới thượng lưu người Hoa và một số thế lực chính trị khác nhau. Sau khi miền Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, các Bang, Hội kín của người Hoa bị đình chỉ hoạt động, song sự biến tướng của các tổ chức này như thế nào cần có sự nghiên cứu tiếp.

Ngoài các tổ chức xã hội truyền thống như đã kể trên, người Hoa còn lập ra nhiều Hội quyền lợi mang tính chất nghiệp đoàn như Hội nghề nghiệp (bao gồm các Hội như Hội thợ may, Hội cắt tóc, Hội dệt vải, Hội cắt thuốc bắc, Hội kinh doanh Ngân hàng, Hội kinh doanh vận tải...) và Nghiệp đoàn công nhân (tổ chức của giới thợ thuyền nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động) ⁽¹⁷⁾. Một trong những dạng đặc trưng của tổ chức nghiệp đoàn truyền thống là các Hội buôn, mà tiêu biểu nhất là Phòng thương mại Chợ Lớn. Các Hội buôn của người Hoa ra đời thường là kết quả liên kết, lúc đầu từ 3 đến 5 người cùng họ hàng anh em có cùng kinh doanh một loại hàng hóa. Dần dần Hội mở rộng ra và các thành viên của nó gồm cả những người không cùng họ hàng; và như

vậy các Hiệp hội buôn bán chuyên ngành ra đời như Hội kinh doanh ngân hàng - tài chính, Hội kinh doanh khách sạn, Hội buôn bán lúa gạo, Hội kinh doanh tiệm ăn... được hình thành. Các Hiệp hội này có nhiều chi nhánh, hội viên hoạt động từng địa bàn và sở trường khác nhau, nhưng hoạt động của từng bộ phận phải tuân theo quy định chung đã được thỏa thuận. Hình thức liên kết những người có cùng một sở trường kinh doanh thúc đẩy nhanh tiến trình tích lũy vốn, chuyên môn hóa nghề nghiệp và sản phẩm, tạo thêm sức cạnh tranh đối với các đối thủ của họ.

Cùng với quan hệ đồng hương, đồng tộc, sự phát triển của các Hội buôn, Hiệp hội buôn bán chuyên ngành đã đưa đến sự hình thành Tổng Hội thương gia Hoa kiều và cuối cùng là Phòng thương mại Hoa kiều. Tổng Hội thương gia Hoa kiều Việt Nam được chính thức thành lập vào năm 1903 và được hợp pháp hóa (được chính quyền thuộc địa Pháp công nhận, cho phép hoạt động) vào năm 1904 do ông Triệu Tiểu Minh làm chủ tịch. Tiền thân của tổ chức này là “Tổng Hội thương gia Hoa kiều Nam Bộ” thành lập năm 1900. Đến năm 1910, Tổng hội được cải tổ thành từng bộ phận chức năng, đảm nhiệm các chức vụ cụ thể như Bộ phận ấn định giá môn bài, Phòng cấp giấy phép nhập cảng, Ban đấu thầu giá thuê chợ..., và được đổi tên mới là “Thương Hội Hoa kiều Việt Nam”. Đến năm 1912, cơ cấu tổ chức của Thương Hội được chia thành 5 bộ phận chức năng phụ trách chuyên ngành kinh doanh như Ban xuất khẩu, Ban nhập khẩu, Ban buôn bán nội thương, Ban bảo hiểm - ngân hàng và Ban công nghiệp. Đến năm 1924, Thương Hội Hoa kiều Chợ Lớn đã có một cơ cấu, chức năng hoàn chỉnh ⁽¹⁸⁾ (xem sơ đồ dưới đây).

nhau, mâu thuẫn kinh tế (giai cấp) bị che đậy bởi các quan hệ xã hội truyền thống, thì các tổ chức Nghiệp đoàn kinh doanh nói chung, Phòng thương mại nói riêng mang tính nghề nghiệp và giai cấp rõ rệt. Tổ chức này chỉ liên kết các nhà doanh nghiệp. Chức năng chủ yếu của nó là điều hòa và phát triển hệ thống kinh doanh của người Hoa (chức năng kinh tế). Nhưng, những người lãnh đạo của Phòng thương mại là những người giàu có, có uy tín lớn trong cộng đồng người Hoa, thường là những người điều hành, đứng đầu các Bang hay dòng họ. Cho nên một số chức năng xã hội cũng được đưa vào chương trình hoạt động của Phòng thương mại. Một trong những chức năng đó là tài trợ cho trường học, bệnh viện, bảo hiểm nhân đạo và bảo vệ các quyền hợp pháp khác của người Hoa. Sự phối hợp chức năng kinh tế và chức năng xã hội biến Phòng thương mại người Hoa Chợ Lớn thành trung tâm điều hòa mọi sinh hoạt của cộng đồng người Hoa. Rõ ràng, sự phối hợp này không những cho phép tầng lớp giàu có người Hoa mở rộng ảnh hưởng trong và ngoài cộng đồng, tạo thêm lực hướng tâm gắn bó cộng đồng và góp phần tạo ra ảo tưởng “tất cả người Hoa là anh em một nhà”.

Tóm lại, các Hội của người Hoa như Hội đồng hương (Bang), Hội đồng tộc (dòng họ), Hội kín, Hội doanh nghiệp (như Phòng thương mại) là những tổ chức mang tính xã hội truyền thống và ít hay nhiều biểu hiện cả tính giai cấp. Các tổ chức xã hội (Bang, Dòng họ, Hội kín), ngoài chức năng trợ trợ, giúp đỡ các thành viên về vật chất, điều hòa các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng, đảm bảo sự kiểm soát của tầng lớp thượng lưu đối với các hành vi, sinh hoạt của

lớp dưới, còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn phong tục, tập quán và lối sống tinh thần của nền văn hóa Trung Hoa trong cộng đồng người Hoa. Điều này được biểu hiện rõ nét qua sự chăm lo của Bang và Dòng họ trong việc duy trì các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, tổ chức đám tang, đám cưới, gìn giữ các tôn ti trật tự và đạo đức Khổng giáo... Rõ ràng, các tổ chức này có khả năng liên kết hóa dân tộc, xã hội và văn hóa của nhóm tộc người Hoa - một cộng đồng dân Trung Hoa di cư và con cháu của họ sinh sống ở nước ngoài; và ở mức độ nhất định có thể làm khập khiễng tiến trình hội nhập của người Hoa vào xã hội Việt. Sự phối hợp giữa chức năng kinh tế, chức năng xã hội của các nghiệp đoàn kinh tế của người Hoa cho phép tầng lớp nhà buôn, giới thượng lưu giàu có không những phát triển địa vị kinh tế của mình, mà còn gia tăng ảnh hưởng chính trị - tư tưởng của họ trong giới người Hoa nói chung.

Chú thích

1. Đào Trinh Nhất. *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*. Hà Nội: Bút ký Trung Hoa, 1924 (Bản dịch của Thư viện Quân đội), tr. 2-3; Nguyễn Văn Huy. *Người Hoa tại Việt Nam*. Paris: Nxb NBC, 1993, tr. 351-352; Châu Hải. *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb KHXH, 1992, tr. 60.
2. Năm 1907, người Bang Phúc Kiến xây dựng trường học Phúc Kiến. Sau đó 3 năm (vào năm 1910), trường Quảng Đông của Bang Quảng Đông cũng được lập nên. Sau đó các trường học của các Bang khác lần lượt ra đời.
3. Tsai Maw Kuey. *Les Chinois au Sud Vietnam*. Paris, 1968, p. 85; Nguyễn Văn Huy. Sdd, tr. 351-562; Đào Trinh Nhất. Sdd, tr. 2-3, 8-9.
4. Châu Hải. *Vài nét về sự di cư của người Hoa*

- xướng Đông Nam Á và các tổ chức cộng đồng xã hội của họ // Những vấn đề lịch sử - văn hóa Đông Nam Á - Về lịch sử Đông Nam Á hiện đại. Hà Nội: Nxb KHXH, 1983, tr. 133.*
5. Xem thêm: Chang Pao Min. *Beijing, Hanoi and the Overseas Chinese*. California: Institute of East Asian Studies, University of California, 1982, p. 12; Unger E. S. "The struggle over the Chinese Community in Vietnam 1946-1984". *Pacific Affairs*, 60, N° 4 (Winter 1987-1988), p. 605; Tran Khanh. "Ethnic Chinese in Vietnam and their Identity". *Ethnic Chinese as Southeast Asians* (ed. Leo Suryadinata). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, 1997, p. 280.
 6. Theo truyền thống, ở Trung Quốc, anh em tứ đại còn là anh em gân. Nếu một người nào đó mất cha chẳng hạn thì người kia còn phải để tang. Từ cấp ngũ đại trở đi thì tính là bà con xa.
 7. Châu Hải. *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*. Sdd, tr. 70.
 8. Joh K. Fairbank, Edwin O. Reischauer and Albert M. Craig. *East Asia: The Modern Transformation*. Tokyo: Charles E. Tuttle Company, 1965, pp. 119-120.
 9. *Hội kín ở Trung Quốc trước đây*. Matxcova: Nauka, 1970, tr. 38, 59 (tiếng Nga).
 10. *Các nhóm tộc người Hoa ở các nước Đông Nam Á*. Matxcova: Nauka, 1986, tr. 25 (tiếng Nga).
 11. Lainger C. R. *Các Hội kín của Hoa kiều: Sự tiến hóa và bản chất xã hội // Các dân tộc Châu Á và Châu Phi*, 1985, N° 3, tr. 35 (tiếng Nga).
 12. *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, tập 1. Hà Nội, 1962, tr. 209-210.
 13. Phan Xích Long là một người gốc Hoa Chợ Lớn, là "đại ca" của một băng đảng Hội kín thuộc tổ chức "Thiên Địa Hội". Năm 1913, Phan Xích Long tự nhận là Đông Cung, con vua Hàm Nghi và tự tôn là Hoàng Đế để cùng một số anh em trong Hội tiến hành chống Pháp. Họ đã chế tạo lựu đạn, rải truyền đơn khắp Sài Gòn - Chợ Lớn, kêu gọi dân chúng nổi dậy. Phong trào bị tan vỡ, Phan Xích Long bị bắt và bị giam tại Khám Chợ Lớn. Tháng 3-1916, Thiên Địa Hội tổ chức đánh phá nhà giam để cứu Phan Xích Long. Nhưng sự việc không thành, thực dân Pháp đã bắt tất cả 56 "anh hùng hảo hán" và sau đó đưa đi bắn và chôn cùng một huyệt.
 14. Simonhia N. A. *Dân cư người Hoa ở các nước Đông Nam Á*. Matxcova: Quan hệ quốc tế, 1959, tr. 140 (tiếng Nga).
 15. Xem thêm: Nguyễn Văn Quang. *Về Hội kín "Thiên Địa Hội" ở Gia Định năm 1902 // Nghiên cứu lịch sử*, số 4, 1997, tr. 92-94.
 16. Từ những năm 30, đầu những năm 50, tại Nam Bộ, đặc biệt tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn xuất hiện một nhóm bán vũ trang của các tay giang hồ, hoạt động kiểu "Hội kín" gọi là tổ chức "Bình Xuyên". Thành viên chính của tổ chức này là người Việt, nhưng cũng có không ít người Hoa trước đây đã từng tham gia "Thiên Địa Hội". Thực dân Pháp đã ủng hộ tổ chức này của người Việt, nhằm làm đối trọng với các tổ chức yêu nước, chống thuộc địa của Việt Nam lúc đó (chủ yếu để chống Việt Minh). Số lượng hội viên của Bình Xuyên tăng rất nhanh trong những năm 40 - đầu những năm 50. Dưới thời Ngô Đình Diệm, tổ chức Bình Xuyên bị giải tán.
 17. Nghiệp đoàn công nhân là tổ chức quần chúng - xã hội của giới thợ thuyền người Hoa, được lập ra để bảo vệ quyền lợi của người lao động. Tổng liên đoàn công nhân người Hoa được thành lập vào năm 1924 quy tụ được 20 nghiệp đoàn viên. Ngoài ra còn có nhiều nghiệp đoàn độc lập. Tổng liên đoàn cho thành lập một trường công nhân miễn phí cho học sinh nghèo vào năm 1946. Trường này lấy tên là Trường công nhân Trung Chánh. Vào năm 1955, Tổng Liên đoàn công nhân người Hoa gồm có 14 công đoàn nhánh và 17 công đoàn độc lập. Các tổ chức công đoàn này được lập theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động. Xem: Tsai Maw Kuey. *Les Chinois au-Sud Vietnam*. Paris, 1968. p.131.
 18. Xem: Tsai Maw Kuey. Sdd, tr. 130-131; Nguyễn Văn Huy. Sdd, tr. 364-366; Châu Hải. Sdd, tr. 73-74.